

Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, tỉnh Quảng Ngãi)

PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG, THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 6101277256

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 10 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH A&E CHỈ KIẾN**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 316 Hùng Vương, Thị Trấn Đắk Tô, Huyện Đắk Tô, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Điện thoại: 0989722777

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	Việt Nam	423 Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam	6.000.000.000	60,000	051078012 917	

2	PHAN VĂN TUẤN	Việt Nam	118 Đoàn Khuê, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam	4.000.000.000	40,000	040082016869
---	---------------	----------	---	---------------	--------	--------------

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **VÕ DUY HÙNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/05/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Căn cước*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *064089010393*

Ngày cấp: *13/07/2024*

Nơi cấp: *Bộ Công an*

Địa chỉ thường trú: *886 Phan Đình Phùng, Phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *886 Phan Đình Phùng, Phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Đăng Ninh

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024 và Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá của các khu vực khoáng sản thuộc Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực tài nguyên môi trường;

Xét Biên bản đấu giá tài sản tổ chức ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Thông báo số 316/TB-ĐGTS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (thuộc Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum) v/v thông báo kết quả đấu giá và chuyển hồ sơ phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước tại Phiếu trình

ngày 03 tháng 01 năm 2025 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, gồm các nội dung chính như sau:

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá: Công ty TNHH A&E Chí Kiên.
2. Vị trí, tọa độ, diện tích khu vực trúng đấu giá: Tại Phụ lục kèm theo.
3. Giá trị trúng đấu giá: $R_{dg} = 87,95\%$ (mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá; đơn vị tính là phần trăm).
4. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá: Trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.
5. Diện tích mỏ: Thuộc địa bàn huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum (100%).

Điều 2. Công ty TNHH A&E Chí Kiên được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật đối với điểm mỏ trúng đấu giá nêu trên; có trách nhiệm nộp hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá (ngày 27 tháng 6 năm 2025); thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hồ sơ tham gia đấu giá và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Trưởng Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước; Giám đốc Công ty TNHH A&E Chí Kiên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thay b/cáo);
- Cục Khoáng sản Việt Nam (b/cáo);
- Chi cục Khoáng sản Miền Trung (p/hợp);
- Các Sở: Công Thương; Xây dựng; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Đăk Tô;
- GĐ Sở, PGĐ Sở Võ Thanh Hải;
- Lưu: VT, TNKSN_{VTH}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Thanh Hải

Phụ lục:

UBND TỈNH KON TUM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRÚNG ĐẦU GIÁ

Thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ,

huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng năm 2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN - 2000 Kinh tuyến trực 107 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1.628.034	534.304
2	1.628.050	534.266
3	1.628.039	534.261
4	1.628.015	534.237
5	1.627.982	534.158
6	1.627.954	534.192
7	1.627.980	534.236
8	1.627.978	534.257
9	1.627.990	534.269
Diện tích: 0,5 ha		

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng bờ bãi sông; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản, được điều chỉnh, bổ sung tại Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 02/2024/TT-BTNMT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung công tác giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum) về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ngày 11 tháng 4 năm 2025 (tiếp nhận hồ sơ ban đầu từ Trung tâm Phục vụ hành chính công ngày 04 tháng 3 năm 2025) của Công ty TNHH A&E Chí Kiên;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 209/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 6 năm 2025 (Kèm theo hồ sơ và Báo cáo số 218/BC-HĐTĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò tỉnh Kon Tum).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH A&E Chí Kiên được thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum⁽¹⁾.

- Diện tích khu vực thăm dò: 0,5 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định tại Phụ lục 01 và Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép này.

- Thời hạn thăm dò: 24 tháng kể từ ngày ký ban hành Giấy phép.

- Khối lượng công tác thăm dò: Theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản tỉnh Kon Tum thẩm định và thông qua.

- Chi phí thăm dò: 457.255.193 (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), từ nguồn vốn của Công ty TNHH A&E Chí Kiên (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

Điều 2. Công ty TNHH A&E Chí Kiên có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực, đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật để tiến hành thi công công tác thăm dò. Thực hiện thăm dò khoáng sản theo phương pháp và khối lượng của Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 09 tháng 6 năm 2025.

của Đề án; đăng ký danh sách người, thiết bị, phương tiện hoạt động thăm dò khoáng sản với cơ quan chức năng để kiểm tra, quản lý, giám sát theo quy định. Hoạt động thăm dò phải chấp hành đúng, đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum, Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản tỉnh Kon Tum theo chức năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về: Quy trình thực hiện; tính hợp pháp của quyết định công nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ, thủ tục, kết quả thẩm định, tính chuẩn xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình duyệt.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô theo chức năng nhiệm vụ và địa bàn quản lý có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này và giải quyết các vấn đề có liên quan.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH A&E Chí Kiên chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình, khối lượng thăm dò, đăng ký danh sách người, thiết bị, phương tiện hoạt động thăm dò khoáng sản cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa; hoàn thành thủ tục cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (nếu có) theo quy định pháp luật.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum triển khai công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản theo quy định hiện hành./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (bản chính);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (bản chính);
- Công ty TNHH A&E Chí Kiên (bản chính);
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (bản sao);
- Chi Cục Địa chất và Khoáng sản Miền Trung (bản sao);
- UBND huyện Đăk Tô (bản sao);
- UBND xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô (bản sao);
- Lưu: VT, KTN._{HVT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Phụ lục 01

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ
(Kèm theo Giấy phép thăm dò số 406 /GP-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN - 2000 Kinh tuyến trực 107 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1.628.034	534.304
2	1.628.050	534.266
3	1.628.039	534.261
4	1.628.015	534.237
5	1.627.982	534.158
6	1.627.954	534.192
7	1.627.980	534.236
8	1.627.978	534.257
9	1.627.990	534.269
Diện tích: 0,5 ha		

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu
xây dựng thông thường tại mỏ cát thôn Kon Pring và thôn Đắc Chờ,
xã Ngọc Tú, tỉnh Quảng Ngãi**
(Trừ lượng tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2025)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 49/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá khoáng sản cát, sỏi lòng sông, lòng hồ;

Căn cứ Thông tư số 50/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật công tác thi công công trình khoan trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tú, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum (nay là thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tú, tỉnh Quảng Ngãi) của Công ty TNHH A&E Chí Kiên;

Căn cứ Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản - Tư vấn kỹ thuật thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 406/GP-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi) cho phép Công ty TNHH A&E Chí Kiên được thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tú, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum (nay là thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tú, tỉnh Quảng Ngãi);

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định tỉnh Quảng Ngãi tại phiên họp ngày 29 tháng 4 năm 2026 và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH A&E Chí Kiên ngày 07 tháng 4 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 707/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 7 năm 2026, Báo cáo thẩm định số 1054/BC-SNNMT ngày 27 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tú, tỉnh Quảng Ngãi”; với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản là 0,501 ha (Không phải năm không một hecta), có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo: Cấp 122 là 11.911 m³.

3. Các khoáng sản đi kèm: Cuội, sỏi, sạn làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 122: 262 m³;

4. Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

5. Hệ số nở rời:

- Hệ số nở rời của cát làm VLXD thông thường: $K_{nrc} = 1,125$;
- Hệ số nở rời của cuội, sỏi, sạn làm VLXD thông thường: $K_{nrs} = 1,29$.

Điều 2. Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và các tài liệu kèm theo được sử dụng làm căn cứ lập dự án đầu tư khai thác mỏ, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND xã Ngọc Tụ; Giám đốc Công ty TNHH A&E Chí Kiên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh: Đỗ Tâm Hiền;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chi Cục Địa chất và Khoáng sản Miền Trung;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP - Tạ Văn Lực;
- Lưu: VT, NNMT.  NLT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Tâm Hiền



**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ CÁT
THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ, XÃ NGỌK TỤ,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 03/8/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°00', tỉnh Quảng Ngãi	
	X (m)	Y (m)
1	1628017.63	480464.99
2	1628033.71	480427.02
3	1628022.72	480422.00
4	1627998.76	480397.94
5	1627965.95	480318.87
6	1627937.87	480352.80
7	1627963.78	480396.86
8	1627961.73	480417.86
9	1627973.70	480429.89
Diện tích 0,501 ha		



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục II

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ CÁT THÔN KON PRING VÀ
THÔN ĐẮK CHỜ, XÃ NGỌC TỤ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 03/8/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường:

STT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng địa chất cấp 122 (m ³)	Ghi chú
1	K1-122	+631,38	5.351	
2	K1-122	+631,38	6.560	
Tổng trữ lượng cấp 122			11.911	

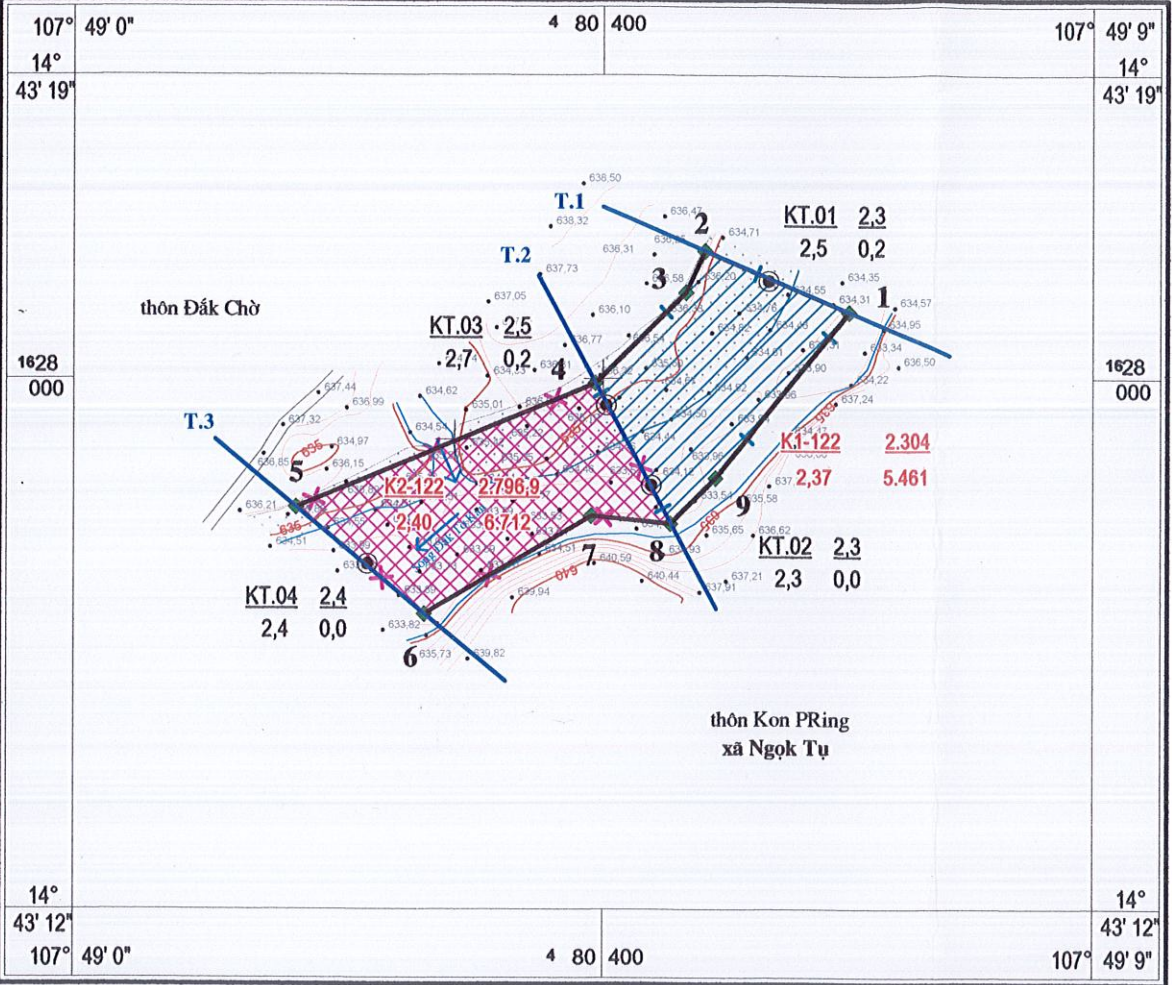
2. Trữ lượng khoáng sản sỏi, sạn làm vật liệu xây dựng thông thường
(Khoáng sản đi kèm):

STT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng địa chất cấp 122 (m ³)	Ghi chú
1	K1-122	+631,38	110	
2	K1-122	+631,38	152	
Tổng trữ lượng cấp 122			262	

BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỪ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
MỎ CÁT LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ,
XÃ NGỌC TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI
(TRƯỚC ĐÂY LÀ XÃ NGỌC TỰ, HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM)

(Kèm theo quyết định số QĐ/UBND, ngày.....tháng.....năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC		
Số hiệu điểm góc	Hệ VN-2000, kinh tuyến trực 108 độ 00 phút, múi chiếu 3 độ	
	X (m)	Y (m)
1	1.628.017,63	480.464,99
2	1.628.033,71	480.427,02
3	1.628.022,72	480.422,00
4	1.627.998,76	480.397,94
5	1.627.965,95	480.318,87
6	1.627.937,87	480.352,80
7	1.627.963,78	480.396,86
8	1.627.961,73	480.417,86
9	1.627.973,70	480.429,89
Diện tích: 5.100,9 m ²		



CHỈ DẪN

Khối tính trừ lượng

Số hiệu khối - Cấp trừ lượng

Diện tích (m²)

Chiều dày trung bình (m)

Trữ lượng (m³)

Hệ thống tuyến thăm dòVị trí lỗ khoan taySố hiệuBề dày tầng cát (m)Chiều sâu (m)Cuội, sạn, sỏi lẫn ít cát, bột sétĐường giao thôngĐường đồng mức cái và độ cao (m)Đường đồng mức con và độ cao (m)Sông và hướng dòng chảyBãi bồiDiện tích thăm dò, điểm góc và số hiệu

BẢNG TÍNH TRỪ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CÁT, SỎI LÀM VLXD TT

Số hiệu khối	Công trình khống chế		Bề dày TB tầng cát tính TL (m)	Diện tích khối tính trừ lượng (m²)	Tỷ lệ % TB theo KQPT mẫu cơ lý		Trữ lượng cấp 122 (m³)		Tổng trữ lượng cấp 122 cát + cuội sỏi (m³)	Cote đáy khai thác (m)
	Số hiệu công trình	Chiều dày tầng cát tính TL (m)			Cát	Sỏi	Cát	Sỏi		
K1-122	KT.01	2,3	2,37	2.304,0	97,99	2,01	5.351,0	110,0	5.461,0	+ 631,38
	KT.02	2,3								
	KT.03	2,5								
K2-122	KT.02	2,3	2,40	2.796,6	97,93	2,27	6.560,0	152,0	6.712,0	+ 631,38
	KT.03	2,5								
	KT.04	2,4								
Tổng trữ lượng				5.100,9			11.911,0	262,0	12.173,0	

Người thành lập

Trần Tất Phong

TỶ LỆ 1:2.000

1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế

20 0m 20 40 60 80

Hệ tọa độ và độ cao Quốc gia VN-2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108 độ 00 phút.

TỔ CHỨC THÀNH LẬP

ĐOÀN ĐỊA CHẤT 503

ĐỊA CHẤT 503

Huỳnh Quốc Văn



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER OF ENVIRONMENTAL AND NATURAL RESOURCES MONITORING
Địa chỉ số: 267 - Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: 056-6544468;6533368

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1475/27650826

Ngày: 03/9/2026

Trang: 01/01

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH Môi trường Việt

II. Loại mẫu : Không khí xung quanh

Lượng mẫu:

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 18/8/2026 **Thử nghiệm:** 20/8/2026-03/9/2026 **Lưu mẫu:** 07 ngày

IV. Địa điểm lấy mẫu: Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, tỉnh Quảng Ngãi – Công ty TNHH A&E Chí Kiên

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Không khí xung quanh tại khu vực dự án, tọa độ:
1627939; 480267 (14h30)

KK

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	54
2	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	52,8
3	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	<53
4	CO ^(a)	µg/m ³	HD/KKXQ - CO	<10400
5	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	<37
6	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,4
7	Độ ẩm ^(a)	%RH	QCVN 46:2012/BTNMT	70,5
8	Tốc độ gió ^(a)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL/LOD): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

Phạm Thanh Bình



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1476/27660826

Ngày: 03/9/2026

Trang: 01/01

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH Môi trường Việt

II. Loại mẫu : Nước mặt

Lượng mẫu: 3 lít

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 18/8/2026 **Thử nghiệm:** 20/8/2026-03/9/2026 **Lưu mẫu:** 07 ngày

IV. Địa điểm lấy mẫu: Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, tỉnh Quảng Ngãi – Công ty TNHH A&E Chí Kiên

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu: **Ký hiệu mẫu:**

- Tại đoạn sông thuộc khu vực mỏ khai thác, tọa độ:
1627939; 480276 (14h40)

Nước vàng nhạt NM

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,82
2	Oxy hòa tan (DO) ^(a)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,07
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	43
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(a)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	14
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023	KPH (MDL=0,02)
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	EPA Method 352.1	0,52
8	Clorua (Cl ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996	KPH (MDL=2,0)
9	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500Fe.B:2023	1,24
10	Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	350
11	E. Coli ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B&F:2023	11

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL/LOD): giới hạn phát hiện
- (c): Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ (Công ty CP DV sắc ký Sài Gòn)

PHÒNG QT-PT

Phạm Thanh Bình



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiên



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1477/27670826

Ngày: 03/9/2026

Trang: 01/01

I. Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH Môi trường Việt

II. Loại mẫu: Nước dưới đất

Lượng mẫu: 3 lít

III. Thời gian:

Lấy mẫu: 18/8/2026 Thử nghiệm: 20/8/2026-03/9/2026 Lưu mẫu: 07 ngày

IV. Địa điểm lấy mẫu: Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, tỉnh Quảng Ngãi – Công ty TNHH A&E Chí Kiên

V. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Nước dưới đất tại giếng đào của hộ Y Khút gần khu vực dự án, tọa độ: 1627928; 480185 (14h50)

Nước trong

NDD

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,41
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(a)	mg/L	TDS.1/QT - HT	38
3	Chỉ số permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL=0,49)
4	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	KPH (MDL=2,0)
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	EPA Method 352.1	<0,50
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&D:2023	KPH (MDL=0,04)
7	Clorua (Cl ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996	KPH (MDL=2,0)
8	Tổng Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	23

VI. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL/LOD): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

Phạm Thanh Bình



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 1490/27680826

Ngày: 04/9/2026

Trang: 01/01

I. Đơn vị gửi mẫu: Công ty TNHH Môi trường Việt

II. Địa chỉ: 41 Võ Văn Dũng, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi

III. Thông tin mẫu phân tích theo yêu cầu của khách hàng:

- Đất (Đ) Tại bãi chứa dự án Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum (nay là xã Ngọc Tụ, tỉnh Quảng Ngãi), toạ độ: 1627939; 480267 (lấy mẫu ngày 18/8/2026) **Lượng mẫu:** 2 kg

IV. Thời gian:

Nhận mẫu: 20/8/2026 **Thử nghiệm:** 20/8/2026-04/9/2026 **Lưu mẫu:** 07 ngày

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
1	Cd ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3051A US EPA Method 7010	KPH (LOD=0,009)
2	As ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3050B US EPA Method 7062	KPH (LOD=0,033)
3	Pb ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3051A US EPA Method 7000B	KPH (LOD=2,4)
4	Tổng Cr ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3051A US EPA Method 7010	3,66
5	Hg ^(c)	mg/kg	US EPA Method 7471B	0,136

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimecerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (LOD/MDL): giới hạn phát hiện
- Mô tả mẫu: đất xám đen
- (c): Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ (Công ty CP DV Sắc Ký Sài Gòn)

PHÒNG QT-PT

Bs

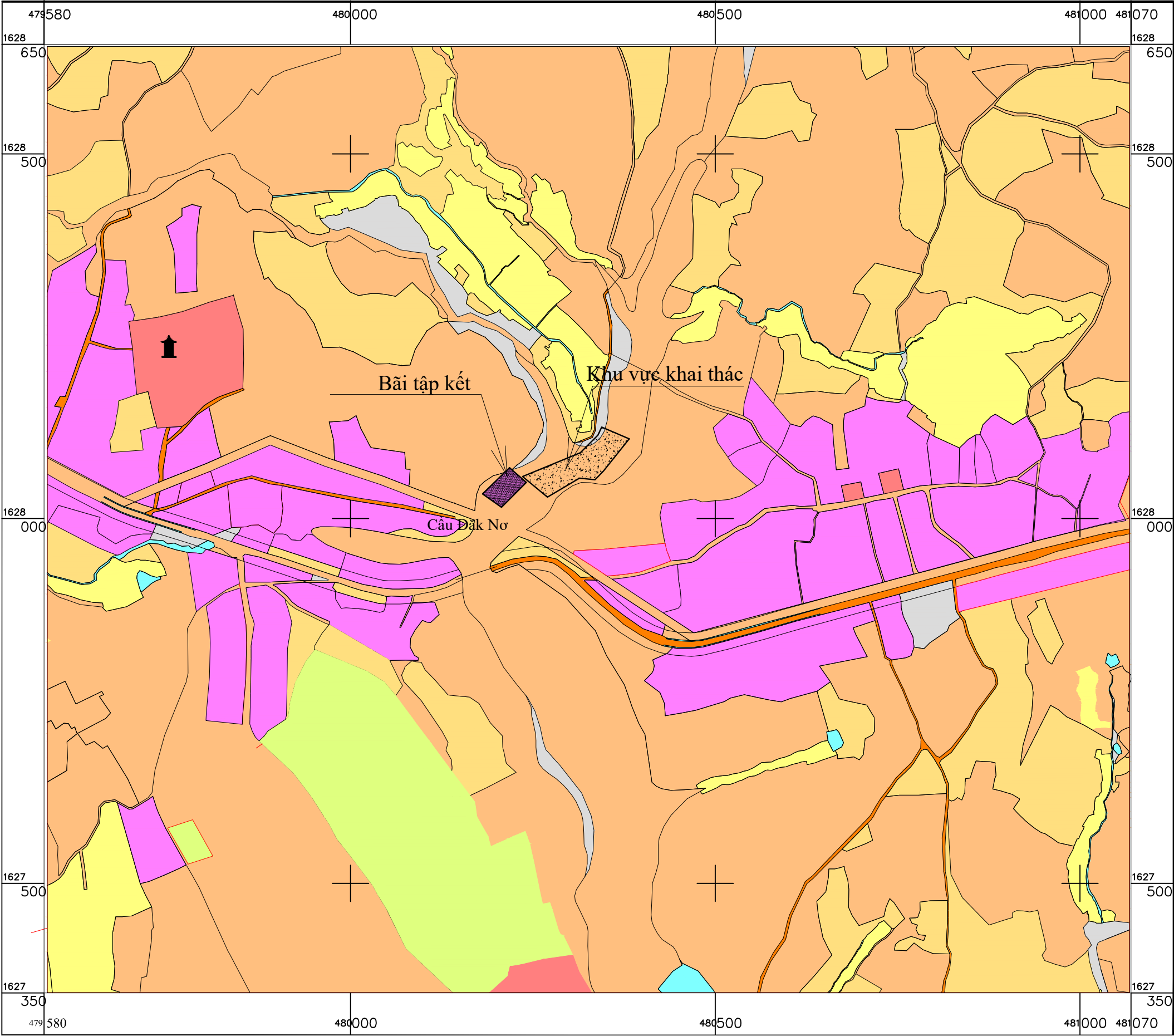
Phạm Thanh Bình



GIÁM ĐỐC *thg*

Trần Đoàn Khoa Tiến

PHỤ LỤC 2: CÁC BẢN VẼ, SƠ ĐỒ KÈM THEO



CHỈ DẪN:

- 

Ranh giới khai thác mở
- 

Ranh giới bãi chứa

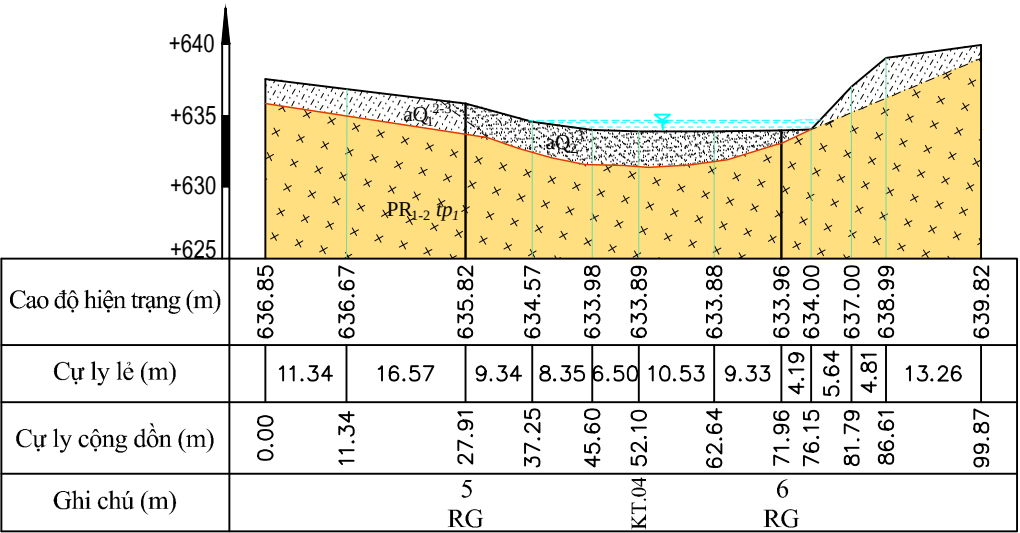
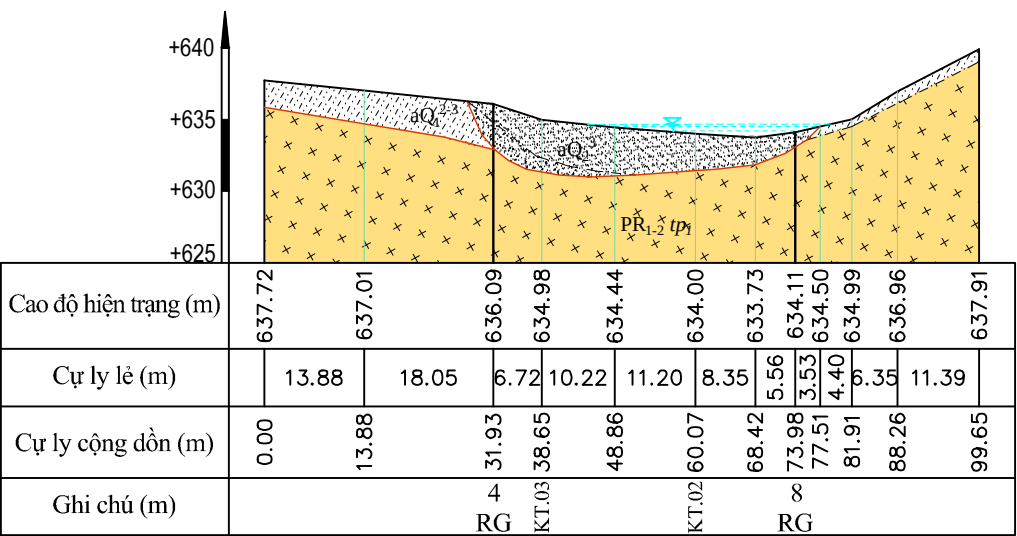
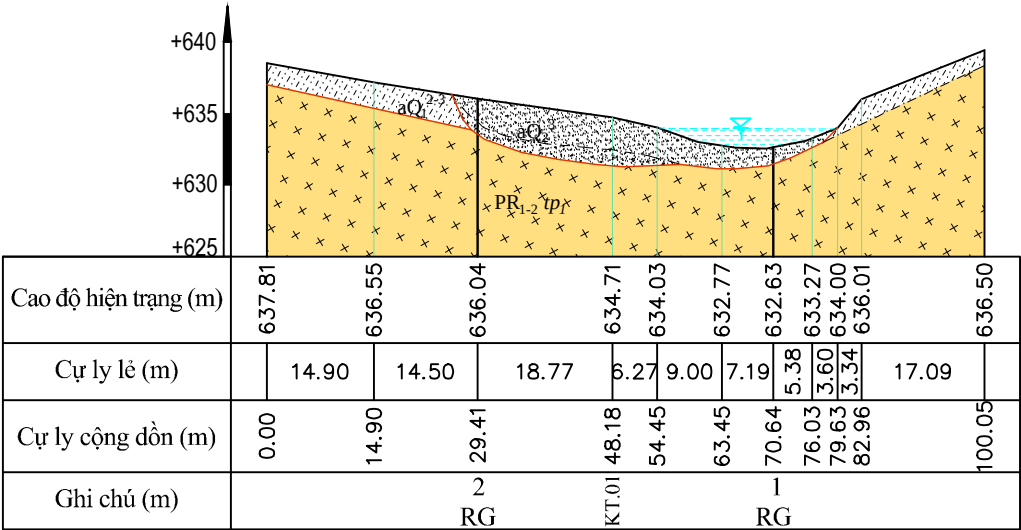
TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC RANH GIỚI MỎ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000; KTT 107 ⁰ 30', mũi chiếu 3 ⁰		Hệ tọa độ VN-2000; KTT 108 ⁰ , mũi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1628034,00	534304,00	1628017,63	480464,99
2	1628050,00	534266,00	1628033,71	480427,02
3	1628039,00	534261,00	1628022,72	480422,00
4	1628015,00	534237,00	1627998,76	480397,94
5	1627982,00	534158,00	1627965,95	480318,87
6	1627954,00	534192,00	1627937,87	480352,80
7	1627980,00	534236,00	1627963,78	480396,86
8	1627978,00	534257,00	1627961,73	480417,86
9	1627990,00	534269,00	1627973,70	480429,89
Diện tích: 0,501ha				

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC BÃI CHỨA

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000; KTT 107 ⁰ 30', mũi chiếu 3 ⁰		Hệ tọa độ VN-2000; KTT 108 ⁰ , mũi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
M1	1627940,00	534129,00	1627977,99	480300,90
M2	1627974,00	534163,00	1627942,08	480263,82
M3	1627994,00	534140,00	1627924,02	480289,77
M4	1627958,00	534103,00	1627957,94	480323,85
Diện tích: 0,1532 ha				

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHÍ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	ĐỀ ÁN: Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đak Chơ Xã Ngok Tụ, tỉnh Quảng Ngãi			
		PHẦN ĐỊA HÌNH - ĐỊA CHẤT			
		BẢN ĐỒ VỊ TRÍ			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC	BCKTKT	1/5.000	08/2026	TKM-01

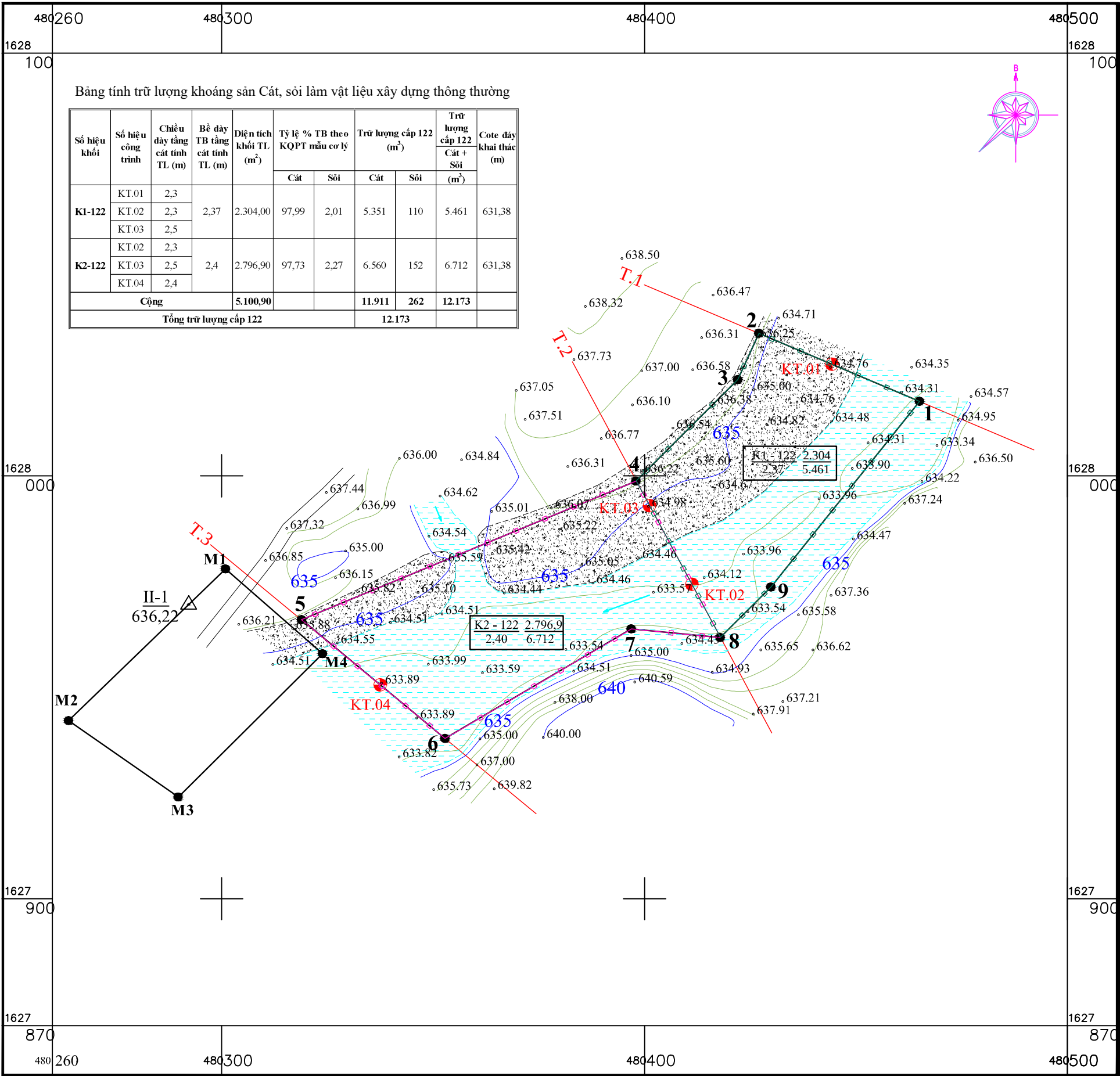


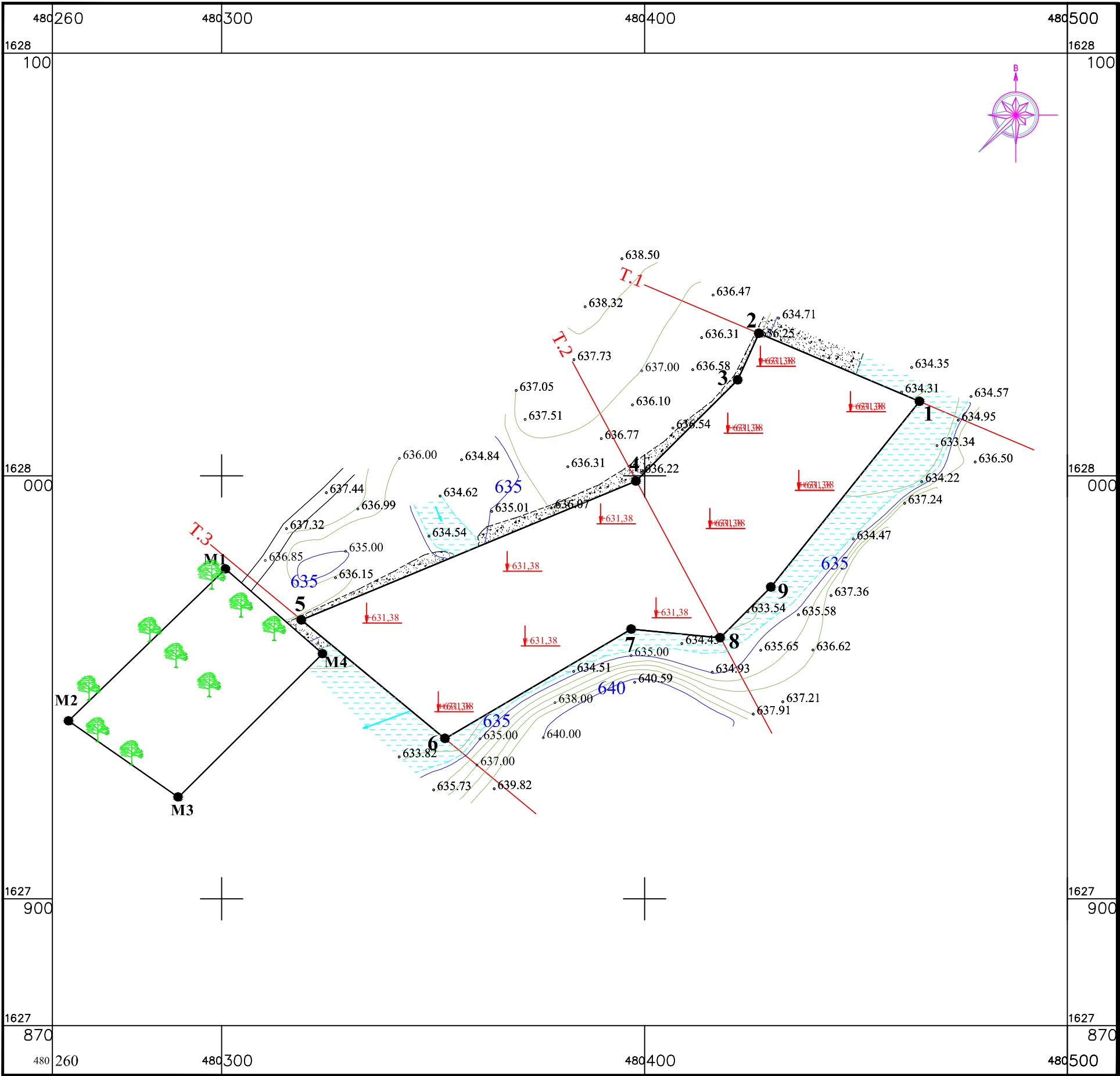
CHỈ DẪN;

- Bề mặt địa hình hiện trạng
- Ranh giới thạch học
- Ranh giới địa chất
- Đường giống cosd
- Mực nước sông
- Ranh giới tính trữ lượng

- PR₁₋₂ tp₁
- aQ_l²⁻³
- aQ₂³
- Phức hệ Ngọc Linh - Hệ tầng Tác Pô:
Phân hệ tầng dưới: gneis biotit hạt vừa đến lớn, plagiogneis biotit, gneis, biotit có granat, gneis 2 mica; lớp mỏng gnei amphibol, amphibolit, quartzit, biotit, calciphyr, gneis pyroxen.
- Bãi bồi cao: Cát sét, cuội sạn cát
- Bãi bồi thấp và lòng sông hiện đại: Cuội, sỏi, cát sạn

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHÍ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỤ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHÂN ĐỊA HÌNH - ĐỊA CHẤT			
		MẶT CẮT ĐỊA CHẤT			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
		BCKTKT	1/1.000	08/2026	TKM-04





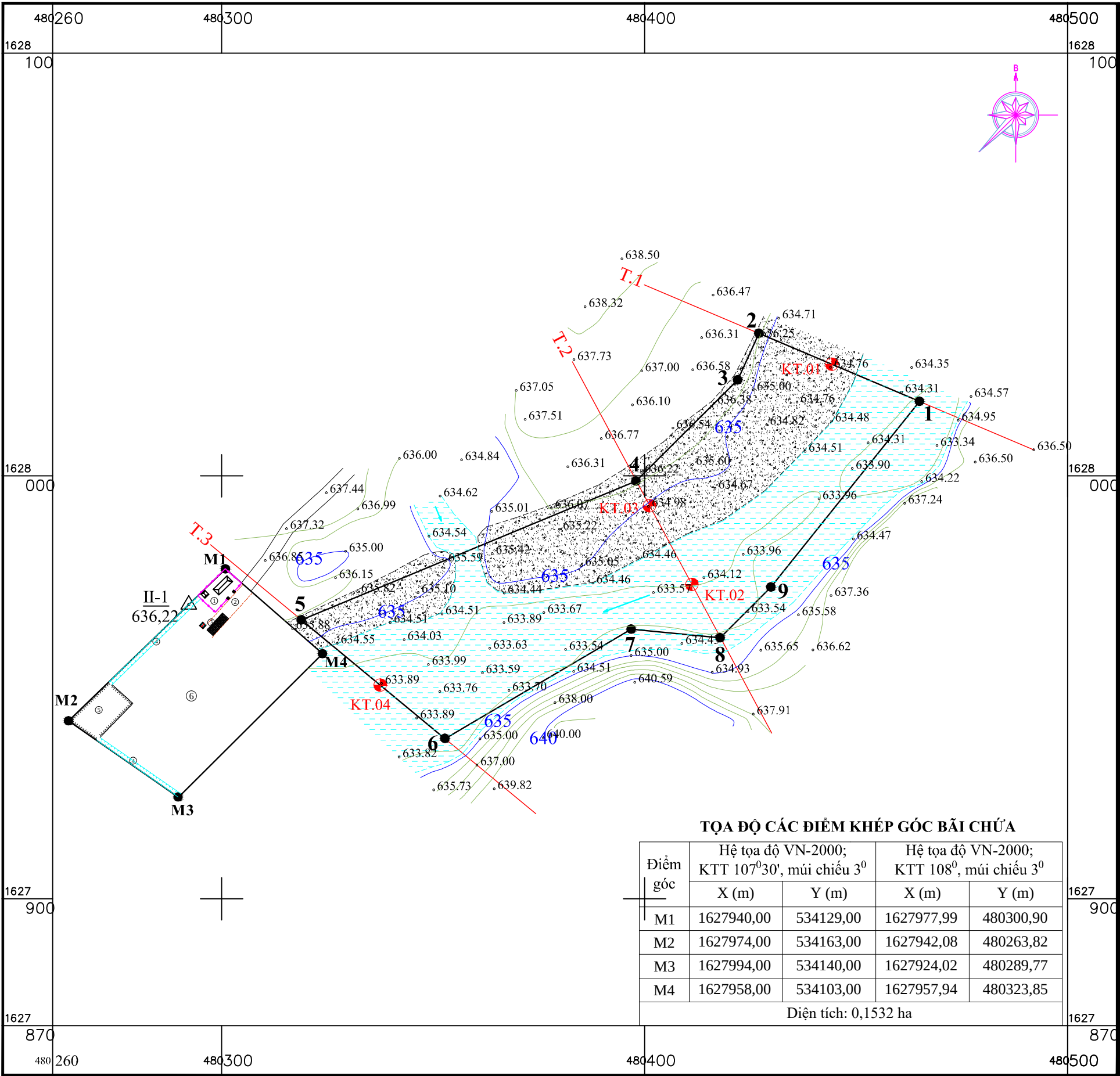
CHỈ DẪN:

- Tuyến thăm dò và số hiệu
- Đường bình độ cái và giá trị
- Đường bình độ cơ bản
- Cao độ hiện trạng (m)
- Mốc ranh giới mỏ
- Mốc ranh giới bãi chứa
- Điểm giải tích Ký hiệu
Độ cao (m)
- Đường giao thông
- Bãi bồi
- Sông và hướng dòng chảy
- Cao độ kết thúc khai thác
- Cây xanh phục hồi môi trường
- Ranh giới mỏ
- Ranh giới bãi chứa

CÔNG TÁC HOÀN THO KHÔNG GIAN KHAI THÁC:

- Trồng cây tại bãi chứa sau khi hoàn thành công tác san gạt, tháo dỡ công trình phụ trợ.
- Trả lại đất cho cơ quan chức năng địa phương quản lý theo quy định.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHỈ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÂM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHÂN KHAI THÁC			
		BẢN ĐỒ HOÀN THO KHÔNG GIAN KHAI THÁC			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
		BCKTKT	1/1.000	08/2026	TKM-14



CHỈ DẪN:

T.1

Tuyến thăm dò và số hiệu

635

Đường bình độ cái và giá trị

Đường bình độ cơ bản

636.85

Cao độ hiện trạng (m)

7

Mốc ranh giới mở

M2

Mốc ranh giới bãi chứa

1

Khu vực nhà điều hành và phụ trợ

2

Đường nội bộ

3

Trạm xịt rửa và hồ lắng

II-1

Điểm giải tích

KT.02

Lỗ khoan

Đường giao thông

Bãi bồi

Sông và hướng dòng chảy

4

Mương thu gom nước

5

Hồ lắng

6

Khu vực bãi chứa

Ranh giới mở

Ranh giới bãi chứa

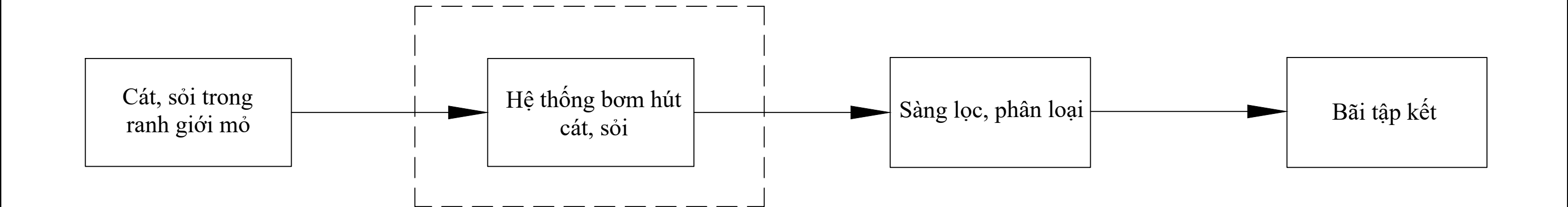
TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC RANH GIỚI MỞ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000; KTT 107°30', múi chiếu 3°		Hệ tọa độ VN-2000; KTT 108°, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1628034,00	534304,00	1628017,63	480464,99
2	1628050,00	534266,00	1628033,71	480427,02
3	1628039,00	534261,00	1628022,72	480422,00
4	1628015,00	534237,00	1627998,76	480397,94
5	1627982,00	534158,00	1627965,95	480318,87
6	1627954,00	534192,00	1627937,87	480352,80
7	1627980,00	534236,00	1627963,78	480396,86
8	1627978,00	534257,00	1627961,73	480417,86
9	1627990,00	534269,00	1627973,70	480429,89

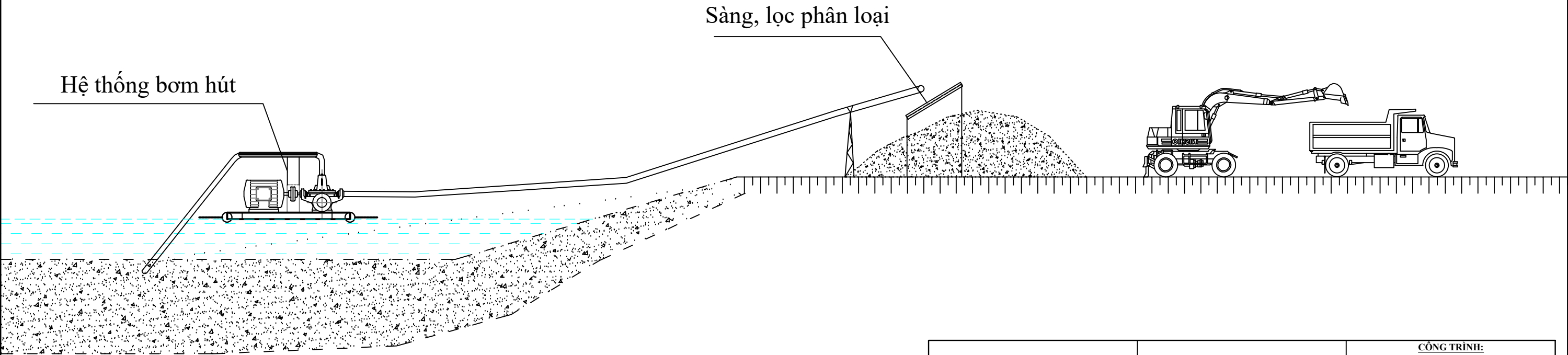
Diện tích: 0,501 ha

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHỈ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHÂN KHAI THÁC			
		BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
		BCKTKT	1/1.000	08/2026	TKM-13

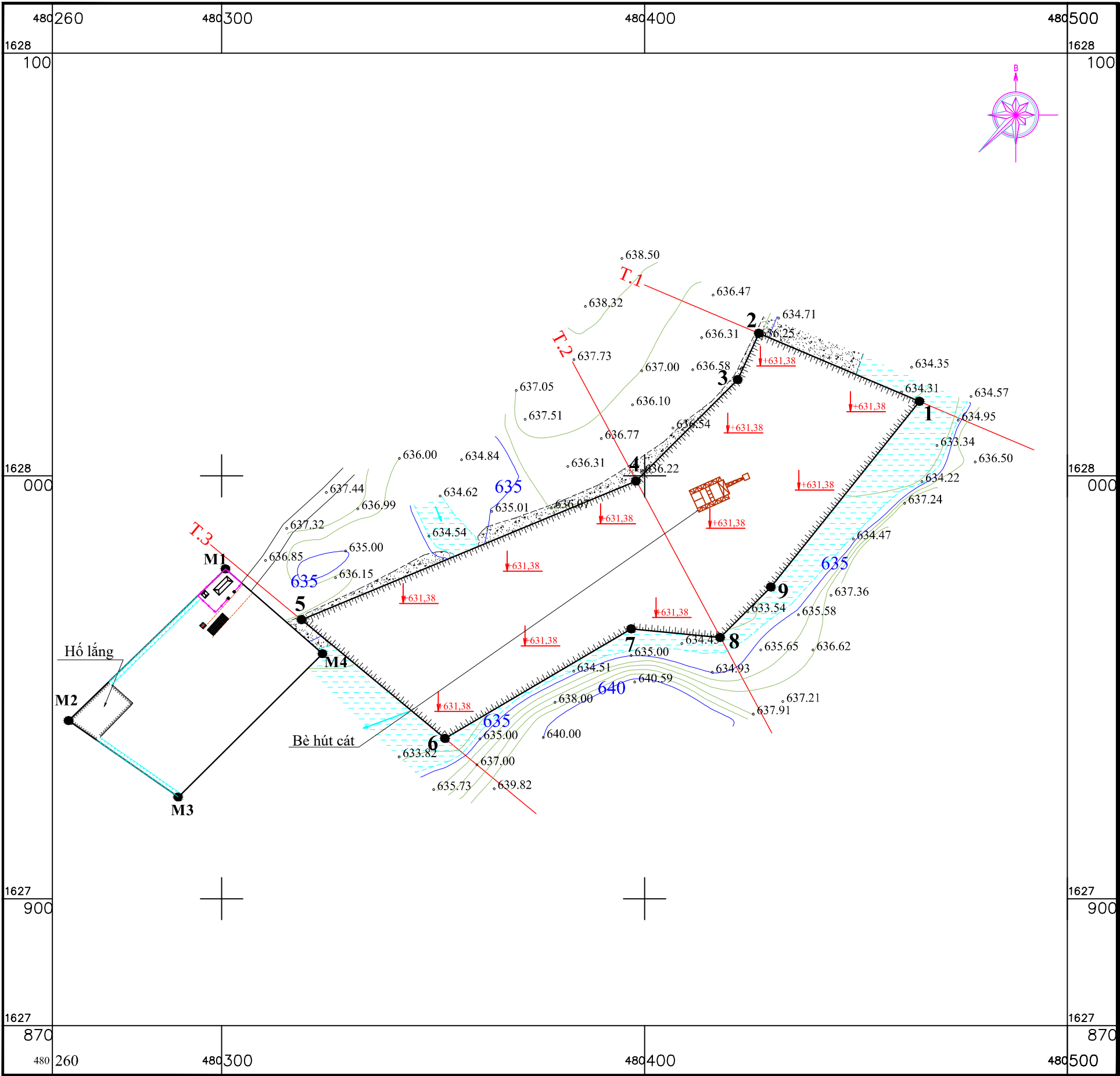
CÔNG NGHỆ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN



THIẾT BỊ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHÍ KIÊN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÂM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHẦN KHAI THÁC			
		SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KHAI THÁC			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
		BCKTKT	1/500	08/2026	TKM-12
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC				



CHỈ DẪN:

- T.1 Tuyến thăm dò và số hiệu
- 635 Đường bình độ cái và giá trị
- Đường bình độ cơ bản
- .636.38 Cao độ hiện trạng (m)
- 7 Mốc ranh giới mỏ
- M2 Mốc ranh giới bãi chứa
- Đường giao thông
- Bãi bồi
- Sông và hướng dòng chảy
- +631.38 Cao độ kết thúc khai thác
- Mong khai thác
- Ranh giới mỏ
- Ranh giới bãi chứa

CÔNG TÁC KHAI THÁC NĂM THỨ CHÍN:

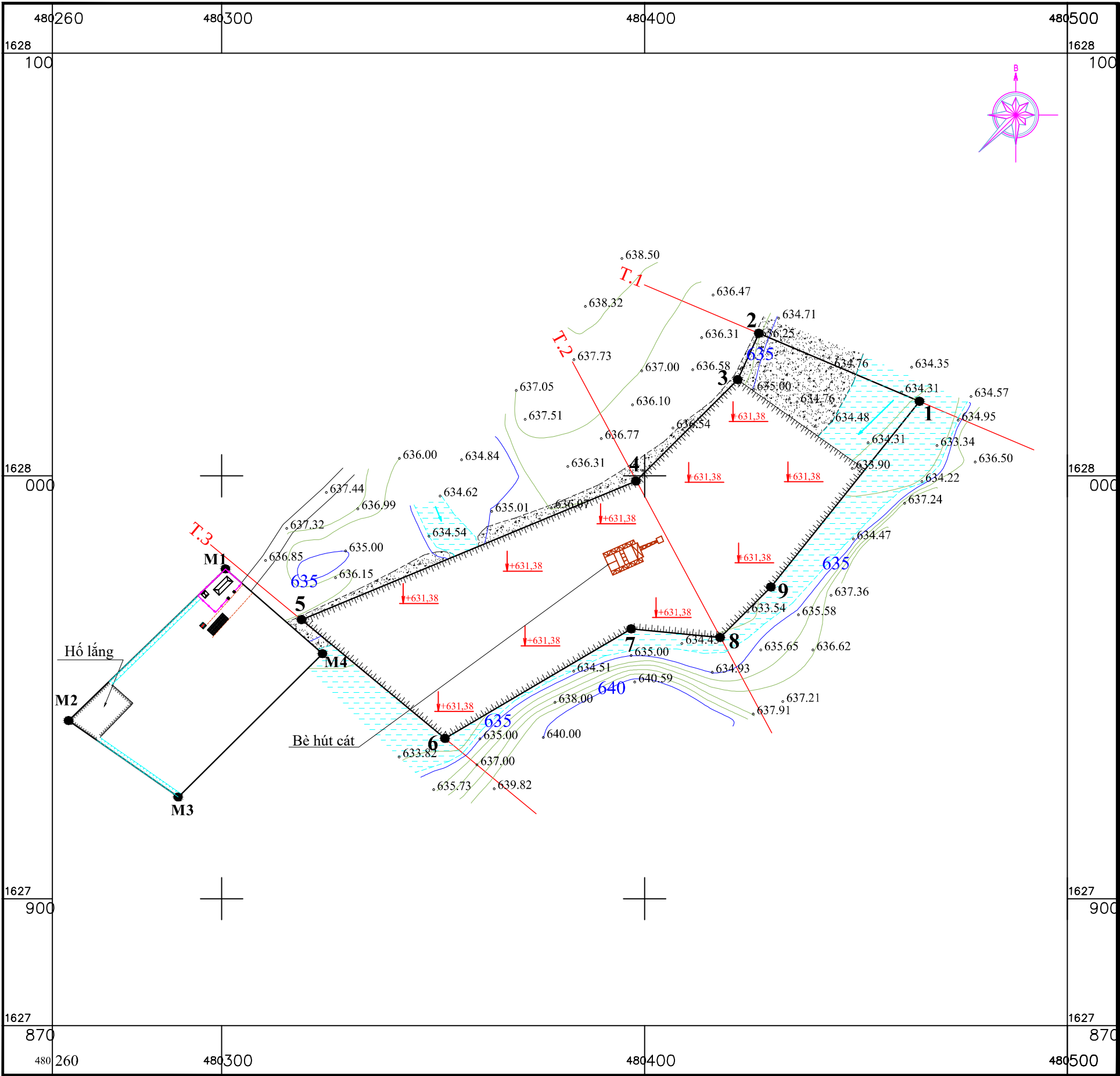
1. Trữ lượng và diện tích khai thác trong năm:
- Tổng trữ lượng cát làm VLXDTT: 915 (thể tự nhiên) ≈ 1.029,4 (thể nguyên khai).
- Tổng trữ lượng sạn, sỏi làm VLXDTT: 25,0 m³ (thể tự nhiên) ≈ 32,25 m³ (thể nguyên khai).
- Diện tích khai thác: 500 m²
- Chiều dày trung bình khai thác: 2,4 m

2. Công nghệ khai thác: {Xói phá đáy sông} → {Hút hỗn hợp (Bùn - Cát - Sỏi - Nước)} → {Sàng thô/Lọc rác} → {Sàng phân loại hạt} → Sản phẩm tập kết tại bãi chứa.

3. Cát, sỏi sạn được bán tại bãi chứa, sau đó được vận chuyển đến các công trình.

4. Chỉnh sửa, nạo vét hố lầy tại bãi chứa, kiểm tra định kỳ đường ống khai thác tránh tình trạng tắc đường ống do sỏi sạn.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHỈ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHÂN KHAI THÁC			
		BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ CHÍN			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
BCKTKT	1/1.000	08/2026	TKM-10		



CHỈ DẪN:

- T.1 Tuyến thăm dò và số hiệu
- 635 Đường bình độ cái và giá trị
- Đường bình độ cơ bản
- .636.38 Cao độ hiện trạng (m)
- 7 Mốc ranh giới mỏ
- M2 Mốc ranh giới bãi chứa
- Đường giao thông
- Bãi bồi
- Sông và hướng dòng chảy
- +631.38 Cao độ kết thúc khai thác
- Mong khai thác
- Ranh giới mỏ
- Ranh giới bãi chứa

CÔNG TÁC KHAI THÁC NĂM THỨ SÁU ĐẾN NĂM THỨ TÁM:

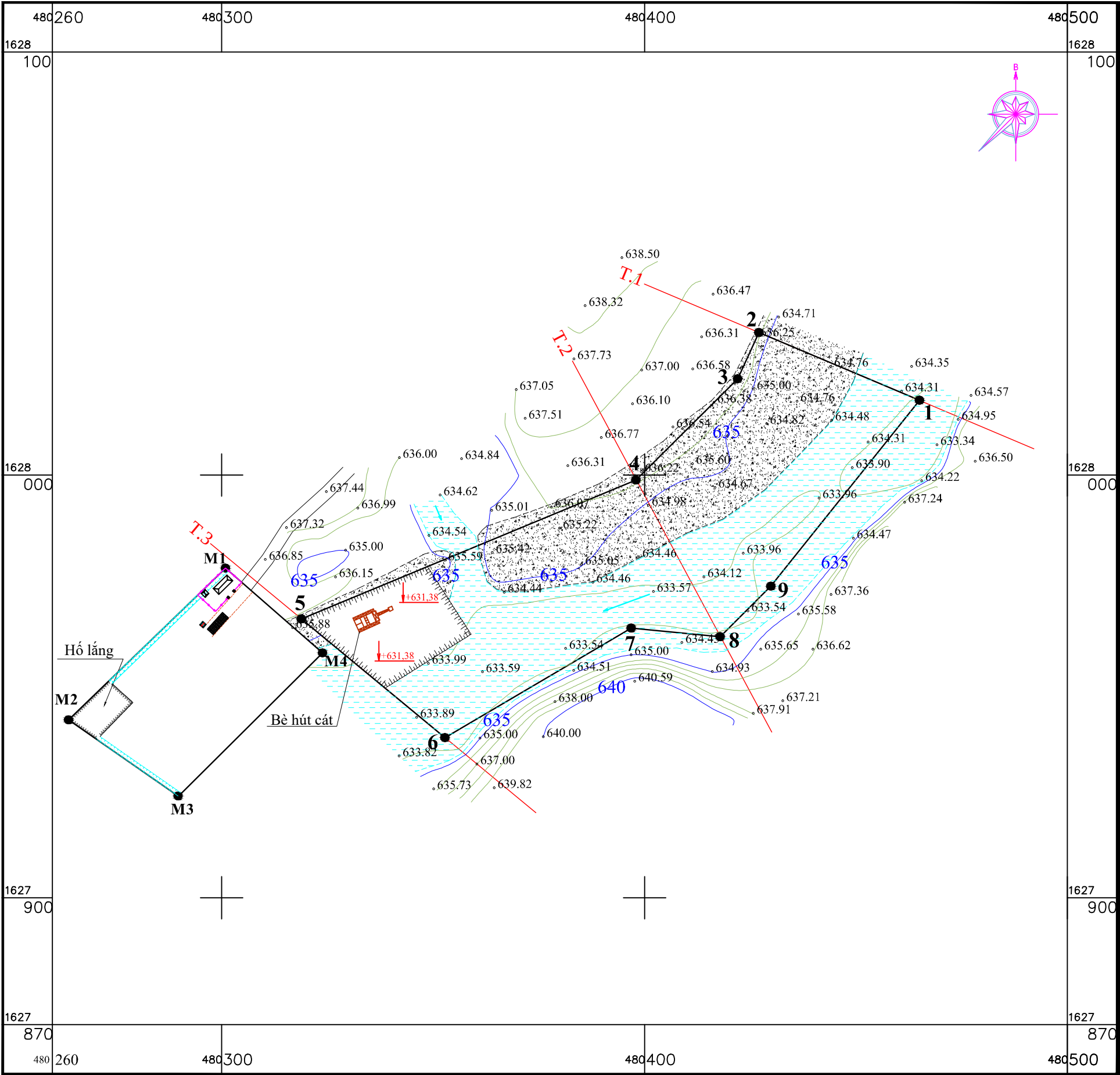
1. Trữ lượng và diện tích khai thác trong năm:
- Tổng trữ lượng cát làm VLXDTT: 3.900 m³ (thể tự nhiên) ≈ 4.387,5 m³ (thể nguyên khai).
- Tổng trữ lượng sạn, sỏi làm VLXDTT: 84,0 m³ (thể tự nhiên) ≈ 108,36 m³ (thể nguyên khai).
- Diện tích khai thác: 1.700 m²
- Chiều dày trung bình khai thác: 2,4 m

2. Công nghệ khai thác: {Xới phá đáy sông} → {Hút hỗn hợp (Bùn - Cát - Sỏi - Nước)} → {Sàng thô/Lọc rác} → {Sàng phân loại hạt} → Sản phẩm tập kết tại bãi chứa.

3. Cát, sỏi sạn được bán tại bãi chứa, sau đó được vận chuyển đến các công trình.

4. Chính sửa, nạo vét hố lắng tại bãi chứa, kiểm tra định kỳ đường ống khai thác tránh tình trạng tắc đường ống do sỏi sạn.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHỈ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHÂN KHAI THÁC			
		BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ TÁM			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
BCKTKT	1/1.000	08/2026	TKM-09		



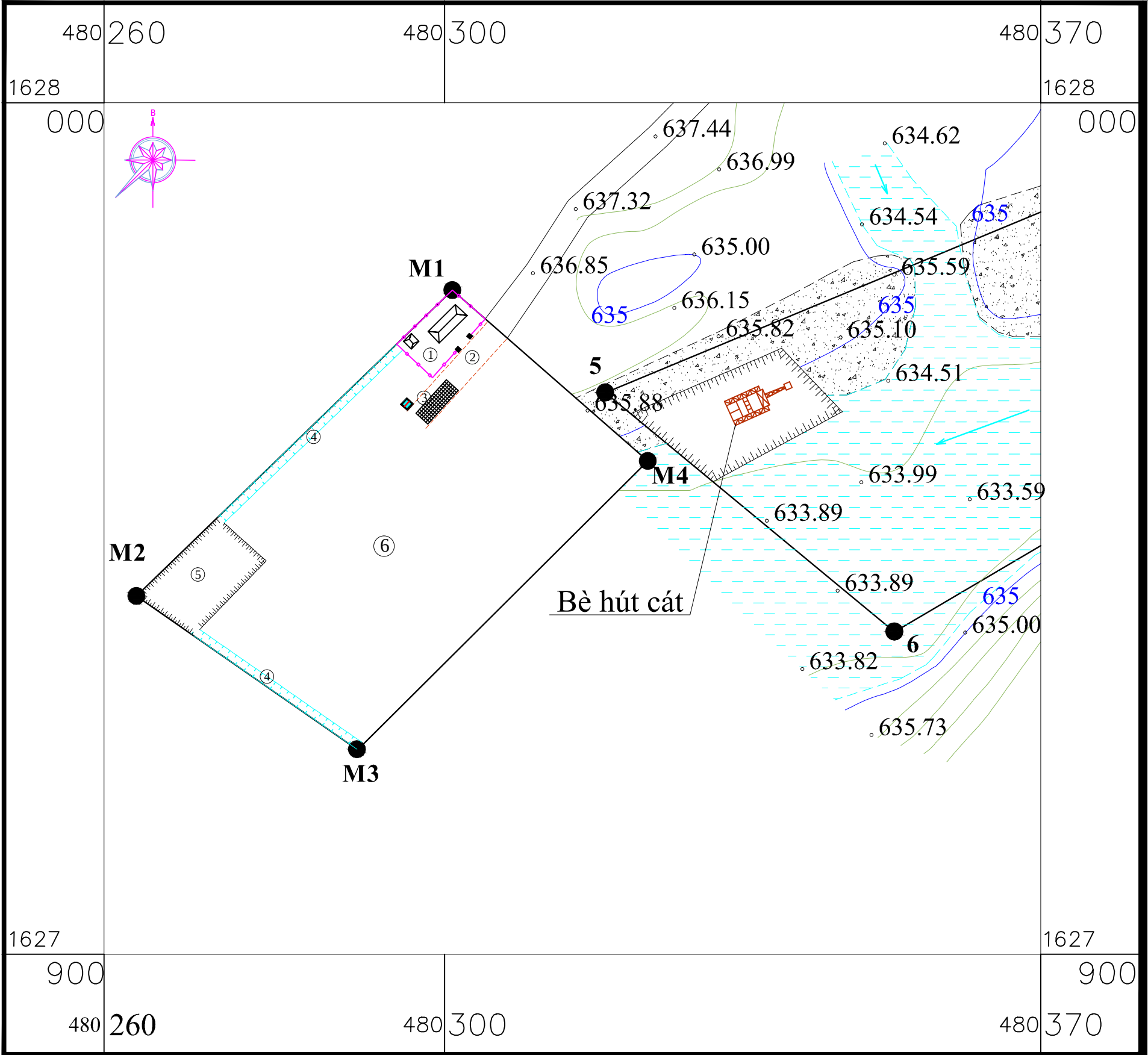
CHỈ DẪN:

- Tuyến thăm dò và số hiệu
- Đường bình độ cái và giá trị
- Đường bình độ cơ bản
- Cao độ hiện trạng (m)
- Mốc ranh giới mỏ
- Mốc ranh giới bãi chứa
- Đường giao thông
- Bãi bồi
- Sông và hướng dòng chảy
- Cao độ kết thúc khai thác
- Mong khai thác
- Ranh giới mỏ
- Ranh giới bãi chứa

CÔNG TÁC KHAI THÁC NĂM THỨ NHẤT:

- Trữ lượng và diện tích khai thác trong năm:
 - Trữ lượng cát làm VLXDTT: 1.300m^3 (thể tự nhiên) $\approx 1.462\text{m}^3$ (thể nguyên khai).
 - Trữ lượng sạn, sỏi làm VLXDTT: 28m^3 (thể tự nhiên) $\approx 36,12\text{m}^3$ (thể nguyên khai).
 - Diện tích khai thác: 600m^2
 - Chiều dày trung bình khai thác : 2,4 m
- Công nghệ khai thác: {Xới phá đáy sông} → {Hút hỗn hợp (Bùn - Cát - Sỏi - Nước)} → {Sàng thô/Lọc rác} → {Sàng phân loại hạt} → Sản phẩm tập kết tại bãi chứa.
- Cát, sỏi sạn được bán tại bãi chứa, sau đó được vận chuyển đến các công trình.
- Chỉnh sửa, nạo vét hố lắng tại bãi chứa, kiểm tra định kỳ đường ống khai thác tránh tình trạng tắc đường ống do sỏi sạn.

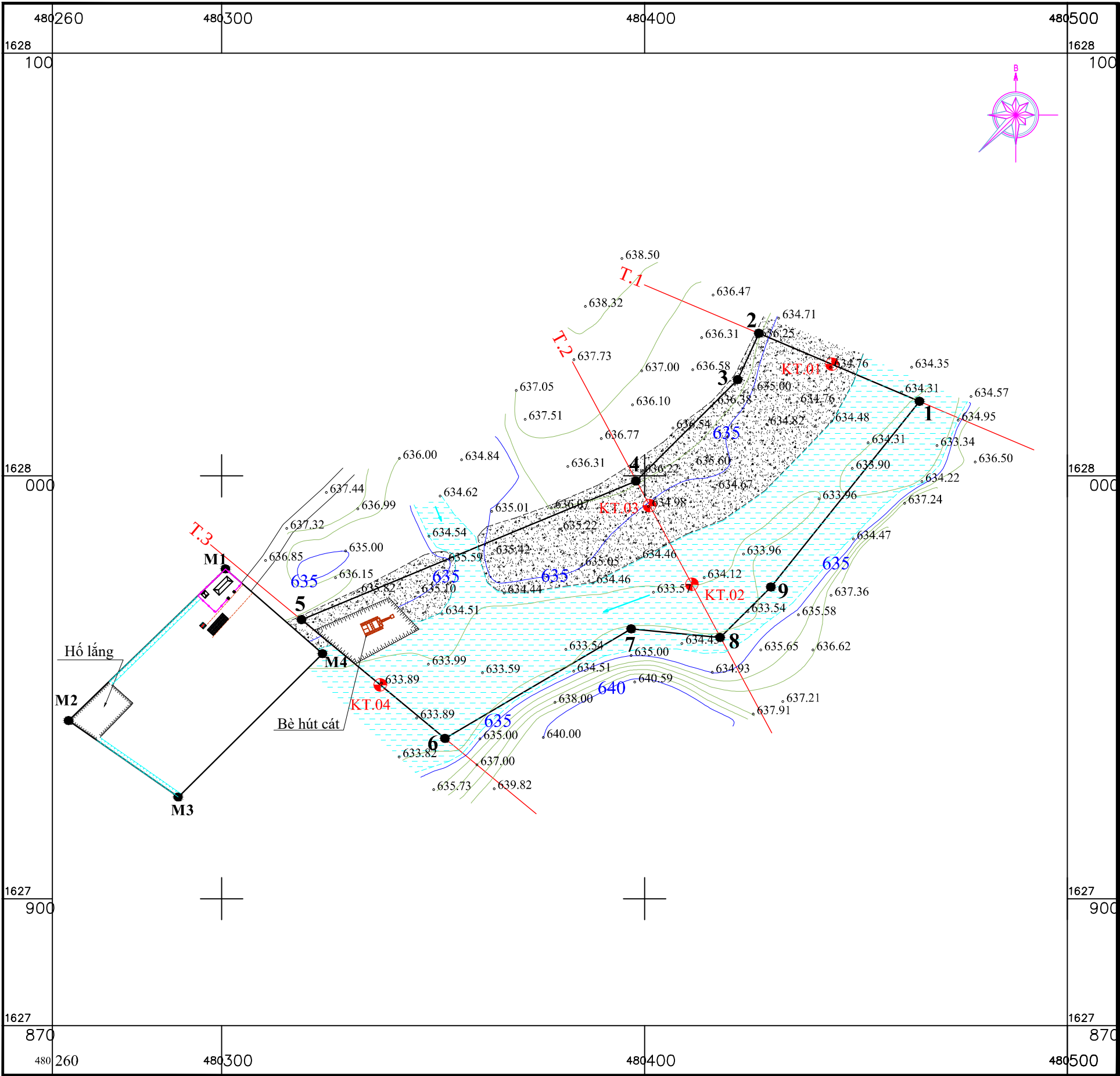
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHỈ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHÂN KHAI THÁC			
		BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ NHẤT			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
		BCKTKT	1/1.000	08/2026	TKM-07



CHỈ DẪN:

- Đường bình độ cái và giá trị
- Đường bình độ cơ bản
- Cao độ hiện trạng (m)
- Mốc ranh giới mỏ
- Mốc ranh giới bãi chứa
- Đường giao thông
- Bãi bồi
- Sông và hướng dòng chảy
- Ranh giới mỏ
- Ranh giới bãi chứa
- Khu vực nhà điều hành và phụ trợ
- Đường nội bộ
- Trạm cân và xệt rửa
- Mương thu gom nước
- Hồ lắng
- Khu vực bãi chứa

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHÍ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN KON PRING VÀ THÔN ĐẮK CHỜ XÃ NGOK TỰ, TỈNH QUẢNG NGÃI			
		PHẦN KHAI THÁC			
		BẢN ĐỒ XÂY DỰNG CƠ BẢN MỎ			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
		BCKTKT	1/500	08/2026	TKM-06



CHỈ DẪN:

- T.1

Tuyến thăm dò và số hiệu
- 635

Đường bình độ cái và giá trị
- Đường bình độ cơ bản
- .636.38

Cao độ hiện trạng (m)
- 7

Mốc ranh giới mỏ
- M2

Mốc ranh giới bãi chứa
- Đường giao thông
- Mương thu gom nước
- Bãi bồi
- Sông và hướng dòng chảy
- Ranh giới mỏ
- Ranh giới bãi chứa

CÔNG TÁC MỞ VÍA VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN:

- 1. Thi công hệ thống khai thác:**
- Lắp đặt hệ thống bể hút vào vị trí mở vĩa.
 - Lắp đặt bơm hút cát, động cơ và hệ thống truyền động
 - Lắp đặt đường ống khai thác từ khu mỏ về bãi chứa chiều dài khoảng 50m.
 - Thi công lắp đặt cụm xả tại bãi chứa
- 2. Thi công bãi chứa:**
- San gạt mặt bằng khu vực bãi chứa.
 - Thi công hố lắng để thu gom nước trước khi thải ra môi trường ngoài
 - Lắp đặt nhà điều hành khai thác bằng container diện tích 15m² và kho chứa chất thải 5m².
- 3. Mở vĩa chuẩn bị khai thác:**
- Vị trí mở vĩa: tại khu vực hạ lưu khu vực mỏ, gần mốc M5
 - Đưa thiết bị khai thác vào vị trí mở vĩa, kết nối hệ thống đường ống về bãi chứa.
 - Thi công tạo hố mỏ ban đầu sau khi hoàn thành lắp đặt hệ thống.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH A&E CHỈ KIẾN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ KHOÁNG SẢN DICO	CÔNG TRÌNH: Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Kon Pring và thôn Đăk Chơ Xã Ngok Tụ, tỉnh Quảng Ngãi			
		PHẦN KHAI THÁC			
		BẢN ĐỒ MỞ VĨA VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN MỎ			
		Giai đoạn	Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
		BCKTKT	1/1.000	08/2026	TKM-05